

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi đặc thù triển khai
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 2707/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 212/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi và mức chi đặc thù triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trong quản lý, sử dụng, thụ hưởng, quyết toán và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung, mức chi và nguồn kinh phí

1. Chi công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch nông thôn

a. Chi tập huấn cho đối tượng liên quan đến việc thu thập thông tin, cập nhật bộ chỉ số nước sạch nông thôn: Thực hiện theo quy định tại các điểm 2, 3, 5, 6 khoản II Điều 1 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh *quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai*; điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh *về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai*; khoản 1, 2, 8 Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị*; điểm c, 1 khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*.

b. Chi phô tô biểu mẫu thu thập thông tin, cập nhật bộ chỉ số nước sạch nông thôn: Hỗ trợ 100% chi phí theo hóa đơn thực tế.

c. Chi hỗ trợ cho đối tượng được giao nhiệm vụ thực hiện thu thập thông tin, cập nhật bộ chỉ số nước sạch nông thôn: Hỗ trợ 35.000 đồng/phiếu (mỗi phiếu tính cho số liệu thu thập thông tin của 20 hộ gia đình).

d. Chi công tác phí để kiểm tra thực địa và đánh giá tiến độ, kết quả thu thập thông tin, cập nhật bộ chỉ số nước sạch nông thôn: Thực hiện theo quy định tại Mục I Điều 1 Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND.

đ. Chi phân tích đánh giá chất lượng mẫu nước sinh hoạt nông thôn theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế: Hỗ trợ 100% chi phí phân tích đánh giá chất lượng mẫu nước sinh hoạt nông thôn theo hóa đơn thực tế.

2. Chi hỗ trợ cho các đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ

2.1. Chi hỗ trợ cho các đối tượng tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thực hiện kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm cho các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên như sau:

a. Đối với sản phẩm mới: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

b. Đối với sản phẩm nâng hạng: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 5 triệu đồng/sản phẩm.

c. Đối với sản phẩm đánh giá lại: Hỗ trợ tối đa 70% chi phí kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 7 triệu đồng/sản phẩm.

2.2. Sản phẩm mới, sản phẩm nâng hạng, sản phẩm đánh giá lại và các nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ được xác định như sau:

a. Sản phẩm mới: Là sản phẩm lần đầu được đánh giá, phân hạng và công nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên.

b. Sản phẩm nâng hạng: Là sản phẩm đã được công nhận sản phẩm OCOP tiếp tục được đánh giá, phân hạng và công nhận sản phẩm OCOP ở hạng sao cao hơn (từ 3 sao lên 4 sao, 4 sao lên 5 sao hoặc 3 sao lên 5 sao).

c. Sản phẩm đánh giá lại: Là sản phẩm đã được công nhận sản phẩm OCOP, sau 36 tháng khi hết thời hạn được công nhận tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP để tiếp tục duy trì hoặc nâng hạng sao.

d. Nhóm sản phẩm thực phẩm, đồ uống, dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, hàng thủ công mỹ nghệ được xác định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025.

3. Nguồn kinh phí

Bố trí từ nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện) đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát việc thực hiện nghị quyết.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



Hồ Văn Niên